

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019
cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp KH&CN năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền;

Trên cơ sở đề xuất của Văn phòng Bộ tại Công văn số 239/VP-KHNCB ngày 25/6/2019 về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Ủy quyền cho các Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trực thuộc, đơn vị cấp dưới đảm bảo dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 giao đến từng đơn vị sử dụng ngân sách đúng nội dung và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, ghi rõ Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch của từng đơn vị trực thuộc, đơn vị cấp dưới và gửi báo cáo cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 3. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao và dự toán ngân sách theo

đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Phạm Công Tạc



PHẦN BỐ ĐƯA DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

theo Quyết định số 1854/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng ngân sách									
				Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	Viện Đánh giá khoa học và định giá công nghệ	Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ	Văn phòng Bộ	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân	Cục ứng dụng và phát triển công nghệ	Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN	Cục công tác phía Nam
A	B	C	D= từ 1 đến 10	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	DỰ TOÁN CHI NSNN		94.623,00	28.370,00	47.344,00	12.123,00	3.860,00	87,00	1.526,00	350,00	93,00	540,00	330,00
B	CHI THƯỜNG XUYÊN		94.623,00	28.370,00	47.344,00	12.123,00	3.860,00	87,00	1.526,00	350,00	93,00	540,00	330,00
I	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ		94.623,00	28.370,00	47.344,00	12.123,00	3.860,00	87,00	1.526,00	350,00	93,00	540,00	330,00
1.1	Vốn trong nước		94.623,00	28.370,00	47.344,00	12.123,00	3.860,00	87,00	1.526,00	350,00	93,00	540,00	330,00
a	Khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 100-101)		94.623,00	28.370,00	47.344,00	12.123,00	3.860,00	87,00	1.526,00	350,00	93,00	540,00	330,00
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		10.325,00	-	450,00	7.269,00	190,00	-	1.526,00	350,00	-	540,00	-
	- Kinh phí được giao khoán	16	6.237,00	-	-	5.227,00	120,00	-	-	350,00	-	540,00	-
	- Kinh phí không được giao khoán	16	4.088,00	-	450,00	2.042,00	70,00	-	1.526,00	-	-	-	-
2	Kinh phí thường xuyên		1.080,00	-	750,00	-	-	-	-	-	-	-	330,00
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	13	750,00	-	750,00	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	330,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	330,00
3	Kinh phí không thường xuyên		83.218,00	28.370,00	46.144,00	4.854,00	3.670,00	87,00	-	-	93,00	-	-
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	83.218,00	28.370,00	46.144,00	4.854,00	3.670,00	87,00	-	-	93,00	-	-
	- Đoàn ra và niên liêm (Tại Sở giao dịch KBNN)	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Khoa học xã hội và nhân văn (Loại 100-102)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thực hiện khoán	16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thực hiện khoán	16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Vốn ngoài nước		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TT	Nội dung	Dự toán năm 2019 chưa phân bổ	Tổng số dự toán phân bổ đợt này	Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam	Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	Viện đánh giá khoa học và định giá công nghệ	Viện Khoa học sở hữu trí tuệ	Văn phòng Bộ	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân	Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ	Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN	Cục công tác phía nam	Dự toán còn lại chưa phân bổ
A	B	C	D = 1 đến 10	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	E = C - D
b	Sửa chữa, chống xuống cấp thực hiện từ năm nay		8.669,00	2.669,00		2.500,00	3.500,00							
I.2	VỐN NGOÀI NƯỚC		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	<i>Cộng kinh phí sự nghiệp khoa học</i>		94.623,00	28.370,00	47.344,00	12.123,00	3.860,00	87,00	1.526,00	350,00	93,00	540,00	330,00	
	Trong đó: + <i>Vốn trong nước</i>		94.623,00	28.370,00	47.344,00	12.123,00	3.860,00	87,00	1.526,00	350,00	93,00	540,00	330,00	
1	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công</i>		10.325,00	-	450,00	7.269,00	190,00	-	1.526,00	350,00	-	540,00	-	
	- Kinh phí thực hiện khoán		6.237,00			5.227,00	120,00			350,00		540,00		
	- Kinh phí không thực hiện khoán		4.088,00		450,00	2.042,00	70,00	-	1.526,00	-	-	-	-	
2	<i>Kinh phí thường xuyên</i>		1.080,00	-	750,00	-	-	-	-	-	-	-	330,00	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ		750,00	-	750,00	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ		330,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	330,00	
3	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		83.218,00	28.370,00	46.144,00	4.854,00	3.670,00	87,00	-	-	93,00	-	-	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ		83.218,00	28.370,00	46.144,00	4.854,00	3.670,00	87,00	-	-	93,00	-	-	
	+ <i>Vốn ngoài nước</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	TỔNG CỘNG	94.623,13	94.623,00	28.370,00	47.344,00	12.123,00	3.860,00	87,00	1.526,00	350,00	93,00	540,00	330,00	0,13

THUẬT MATH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2019 CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Công văn số 1851/BKHCN-KHTC ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ)



Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Quyết định phê duyệt nội dung, kinh phí	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ									Chi chú
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác					
					Tổng NSNN	Đã giao	Dự kiến phân bổ đợt này (6/2019)	Nhu cầu năm 2020	Tổng nguồn khác	Năm 2019	Dự kiến năm 2020		
A	B	C	1	2	3	4	5	6,0	7=4-5-6	8	9	10	11
	Tổng cộng				188.225,9	137.775,9	210,0	94.623,0	41.248,0	50.450,0	45.450,0	5.000,0	
A	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ				16.780,0	15.730,0	210,0	10.325,0	5.195,0	1.050,0	1.050,0		
A1	Nhiệm vụ chuyên tiếp												
A2	Nhiệm vụ mở mới				16.780,0	15.730,0	210,0	10.325,0	5.195,0	1.050,0	1.050,0		
I	Chương trình giai đoạn 2017 - 2020 "Giải pháp chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng"				2.350,0	2.350,0	-	1.799,0	551,0	-	-	-	
1	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo				2.350,0	2.350,0	-	1.799,0	551,0	-	-	-	
I,1	Nghiên cứu đề xuất mô hình tăng trưởng dựa trên Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo cho Việt Nam giai đoạn đến 2030 và tầm nhìn đến năm 2035	- Cơ sở lý luận về mô hình tăng trưởng dựa trên STI; - Kinh nghiệm thực tiễn về mô hình tăng trưởng dựa trên STI của một số nước chọn lọc; - Đánh giá thực trạng mô hình tăng trưởng dựa trên STI của Việt Nam hiện nay; - Báo cáo kiến nghị mô hình và giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng phù hợp với điều kiện Việt Nam.	QĐ 213/QĐ-HVKHCN ngày 7/6/2019	2019 - 2020	1.150,0	1.150,0		899,0	251,0				Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ
I,2	Nghiên cứu chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm phát triển các cụm liên kết ngành	Báo cáo khuyến nghị chính sách thúc đẩy hoạt động CGCN và ĐMST nhằm phát triển các CLKN	QĐ 213/QĐ-HVKHCN ngày 7/6/2019	2019 - 2020	1.200,0	1.200,0		900,0	300,0				Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ
II	Nhiệm vụ ngoài các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Bộ				14.030,0	12.980,0	210,0	8.126,0	4.644,0	1.050,0	1.050,0	-	
I	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo				8.020,0	8.020,0	-	5.070,0	2.950,0	-	-	-	
I,1	Nghiên cứu chính sách đổi mới hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam	- Báo cáo phân tích thực trạng tổ chức và hoạt động NC&PT trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. - Báo cáo phân tích thực trạng chính sách ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động NC&PT trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. - Báo cáo đề xuất chính sách đổi mới tổ chức và hoạt động NC&PT trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam thời gian tới.	QĐ 143/QĐ-HVKHCN ngày 13/5/2019	2019 - 2020	1.250,0	1.250,0		850,0	400,0				Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ

TT	Nội dung	Kết quả chính	Quyết định phê duyệt nội dung, kinh phí	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ								Chi chú
					Tổng số	Nguồn NSNN				Nguồn khác			
						Tổng NSNN	Đã giao	Dự kiến phân bổ đợt này (6/2019)	Nhu cầu năm 2020	Tổng nguồn khác	Năm 2019	Dự kiến năm 2020	
1,2	Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2030	- Báo cáo tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về xây dựng một số chương trình KH&CN cấp quốc gia điển hình. - Báo cáo thực trạng xây dựng chương trình KH&CN cấp quốc gia ở Việt Nam. - Báo cáo đề xuất giải pháp xây dựng chương trình KH&CN cấp quốc gia ở Việt Nam giai đoạn 2021- 2030.	QĐ 143/QĐ-HVKHCN ngày 13/5/2019	2019 - 2020	1.100,0	1.100,0		850,0	250,0				Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ
1,3	Nghiên cứu đề xuất giải pháp chính sách gắn kết nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam	- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Báo cáo về kinh nghiệm quốc tế trong gắn kết các nhiệm vụ khoa học, công nghệ với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc. - Báo cáo đề xuất giải pháp chính sách nhằm gắn kết nhiệm vụ KH&CN với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam.	QĐ 143/QĐ-HVKHCN ngày 13/5/2019	2019 - 2020	1.050,0	1.050,0		800,0	250,0				Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ
1,4	Nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo tiếp cận năng lực dành cho nhân lực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Báo cáo khung năng lực cán bộ. - Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý KH, CN & ĐMST cho nhân lực quản lý của Bộ khoa học và Công nghệ.	QĐ 143/QĐ-HVKHCN ngày 13/5/2019	2019 - 2020	1.200,0	1.200,0		900,0	300,0				Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ
1,5	Nghiên cứu xây dựng chương trình và tài liệu bồi dưỡng về quản lý Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo dành cho lãnh đạo cấp phòng của các tổ chức KH&CN tại Việt Nam	- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Chương trình đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng của các tổ chức KH&CN về quản lý KH, CN và ĐMST. - Bộ tài liệu giảng dạy về quản lý KH, CN và ĐMST dành cho lãnh đạo cấp phòng của các tổ chức KH&CN.	QĐ 145/QĐ-HVKHCN ngày 14/5/2019	2019 - 2020	450,0	450,0		400,0	50,0				Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng quản lý khoa học và công nghệ
1,6	Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp ở Việt Nam	Báo cáo đề xuất các giải pháp phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp ở Việt Nam.	QĐ 147/QĐ-HVKHCN ngày 14/5/2019	2019 - 2020	420,0	420,0		370,0	50,0				Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ
1,7	Nghiên cứu hệ thống KHCN và đổi mới sáng tạo (STI) của một số quốc gia và đề xuất giải pháp cải thiện hệ thống STI của Việt Nam giai đoạn 2021-2030	- Báo cáo đánh giá hệ thống STI Việt Nam. - Báo cáo đề xuất giải pháp chính sách.	QĐ 212/QĐ-HVKHCN ngày 7/6/2019	2019 - 2020	1.250,0	1.250,0		400,0	850,0				Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ



TT	Nội dung	Kết quả chính	Quyết định phê duyệt nội dung, kinh phí	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ								Chi chú	
					Tổng số	Nguồn NSNN				Nguồn khác				
						Tổng NSNN	Đã giao	Dự kiến phân bổ đợt này (6/2019)	Nhu cầu năm 2020	Tổng nguồn khác	Năm 2019	Dự kiến năm 2020		
1,8	Nghiên cứu xây dựng mô hình Trung tâm đổi mới sáng tạo trong điều kiện hội nhập quốc tế về KH&CN	- Báo cáo về cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình hoạt động Trung tâm Đổi mới sáng tạo. - Báo cáo chuyên đề về kinh nghiệm QT về hoạt động trung tâm đổi mới sáng tạo. - Dự thảo Đề án thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo phát triển thị trường KH&CN	QĐ 212/QĐ-HVKHCN ngày 7/6/2019	2019 - 2020	1.300,0	1.300,0		500,0	800,0					Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ
2	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				1.500,0	450,0	-	450,0	-	1.050,0	1.050,0	-		
	Nghiên cứu, thiết kế chế tạo hệ thống chuẩn lưu lượng nước có phạm vi đo đến 10 m3/h với độ không đảm bảo đo 0,5% Tổ chức chủ trì: Viện Đo lường Việt Nam	Hệ thống chuẩn đo lường lưu lượng nước có phạm vi đo đến 10 m3/h với độ không đảm bảo đo 0,5%	Quyết định số 2289/QĐ-TĐC ngày 28/12/2018 của TĐC	12 tháng	1.500,0	450,0		450,0	-	1.050,0	1.050,0			Viện Đo lường Việt Nam
3	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân				350,0	350,0	-	350,0	-					
3,1	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng Đề án phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố hạt nhân xuyên biên giới ảnh hưởng đến Việt Nam		QĐ 1426/QĐ-BKHCN ngày 30/5/2019	2019	350,0	350,0		350,0	-					Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật ATBX&UPS C
4	Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN				1.850,0	1.850,0	-	540,0	1.310,0	-	-	-		
4.1	Đề án: Nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm khởi nghiệp quốc gia	Đề án thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm khởi nghiệp quốc gia tại Hà Nội hoặc TP HCM và các chi nhánh Trung tâm tại các thành phố lớn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	QĐ 1802/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2019	2019 -2020	800,0	800,0		290,0	510,0					Văn phòng Cục
4.2	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu điều tra thống kê về doanh nghiệp khoa học và công nghệ và phương pháp đo lường các chỉ số phát triển doanh nghiệp KH&CN.	- Bộ chỉ tiêu điều tra, thống kê về DNKH&CN và phương pháp đo lường các chỉ số phát triển DNKH&CN; - Nền tảng trực tuyến dùng chung cho các sở KHCN và Bộ KHCN trong đăng ký, thống kê, theo dõi các chỉ số phát triển của các DNKHCN trên toàn quốc; - Dữ liệu về DNKH&CN - Dữ liệu về DN KH&CN (trong tất cả các lĩnh vực).	QĐ 1803/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2019	2019 -2020	1.050,0	1.050,0		250,0	800,0					Văn phòng Cục
5	Văn phòng Bộ (thông qua Vụ Kế hoạch - Tài chính)				1.210,0	1.210,0	-	826,0	384,0	-	-	-		

TT	Nội dung	Kết quả chính	Quyết định phê duyệt nội dung, kinh phí	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ								Chi chú
					Tổng số	Nguồn NSNN				Nguồn khác			
						Tổng NSNN	Đã giao	Dự kiến phân bổ đợt này (6/2019)	Nhu cầu năm 2020	Tổng nguồn khác	Năm 2019	Dự kiến năm 2020	
5.1	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp	- Báo cáo đánh giá thực trạng hệ thống thể chế thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động KH&CN và ĐMST của Việt Nam từ năm 2010 đến nay. - Báo cáo kinh nghiệm quốc tế trong thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN và ĐMST và bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam. - Đề xuất các nhóm giải pháp thiện thể chế thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động KH&CN và ĐMST. - Báo cáo tổng kết nội dung nghiên cứu của Đề án	QĐ 1804/QĐ-BKH&CN ngày 25/6/2019	2019	850,0	850,0	-	466,0	384,0	-	-	-	
5.2	Đề án: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất cơ chế chính sách nhằm khuyến khích doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN.	Báo cáo đánh giá chính sách khuyến khích doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để đầu tư cho hoạt động NC&PT, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo. Là cơ sở khoa học đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về “phát huy Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ và thúc đẩy tinh thần sáng tạo, hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ tại các doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty”.	QĐ 1805/QĐ-BKH&CN ngày 25/6/2019	2019	360,0	360,0		360,0	-				
6	Văn phòng Bộ				700,0	700,0	-	700,0	-	-	-	-	
	Nghiên cứu cơ sở khoa học, lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng dự thảo Chiến lược nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ vũ trụ tại Việt Nam giai đoạn sau 2020		QĐ 1806/QĐ-BKH&CN ngày 25/6/2019	2019	700,0	700,0	-	700,0		-	-	-	
7	Viện Đánh giá Khoa học và Định giá Công nghệ				400,0	400,0	210,0	190,0					
	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng tiêu chí để công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hoạt động chuyển giao công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa		QĐ số 3210/QĐ-BKH&CN ngày 23/10/2018	2018-2019	400,0	400,0	210,0	190,0					
III	Kinh phí phục vụ quản lý chung				400,0	400,0	-	400,0	-	-	-	-	
I	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo				400,0	400,0	-	400,0	-	-	-	-	
	Quản lý chung các nhiệm vụ cấp Bộ của học viện		QĐ 103/QĐ-HVKHCN ngày 12/4/2019	6/2019 - 6/2020	400,0	400,0		400,0	-				Cơ quan Học viện
B	Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				1.190,0	750,0	-	750,0	-	440,0	440,0	-	
I	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				1.190,0	750,0	-	750,0	-	440,0	440,0	-	

TT	Nội dung	Kết quả chính	Quyết định phê duyệt nội dung, kinh phí	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Chi chú	
					Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác				
						Tổng NSNN	Đã giao	Dự kiến phân bổ đợt này (6/2019)	Nhu cầu năm 2020	Tổng nguồn khác	Năm 2019		Dự kiến năm 2020
	Nghiên cứu, tính toán, phân tích năng suất của Việt Nam năm 2019 giai đoạn 2011-2019 và đề xuất các giải pháp nâng cao năng suất	- Báo cáo năng suất quốc gia năm 2019 - Báo cáo đóng góp của KH&CN vào tăng trưởng TFP.	Quyết định số 1093/QĐ-TĐC ngày 5/6/2019 TĐC	2019	1.190,0	750,0	750,0		440,0	440,0		Viện Năng suất Việt Nam	
C	Nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động theo chức năng				330,0	330,0	-	330,0	-	-	-		
I	Cục Công tác phía Nam			2019	330,0	330,0	330,0						
	Duy trì vận hành toàn nhà Trung tâm Thông tin KH&CN khu vực phía Nam trong 6 tháng cuối năm 2019		QĐ 1807/QĐ-BKHHCN ngày 25/6/2019	2019	330,0	330,0	330,0					Cơ quan Cục CTPN	
D	Dự án Tăng cường trang thiết bị				142.344,0	93.584,0	-	70.852,0	22.732,0	48.760,0	43.760,0	5.000,0	
DI	Dự án mở mới				142.344,0	93.584,0	-	70.852,0	12.032,0	48.760,0	43.760,0	5.000,0	
1	Viện Năng lượng nguyên tử				34.861,0	34.861,0	-	22.829,0	12.032,0	-	-	-	
1.1	Trang bị máy đo hoạt độ phóng xạ alpha/beta/gamma, nguồn phóng xạ Cobalt-60, thiết bị đo UV-VIS 2 chùm tia và hệ thống đo địa điện cho Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp		QĐ 1751/QĐ-BKHHCN ngày 20/6/2019	2019	7.972,0	7.972,0	7.972,0	-					Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp
1.2	Trang bị hệ phổ kế alpha, bộ thiết bị điện phân mẫu hai kênh cho hệ phổ kế alpha và thiết bị phân tích cỡ hạt tán xạ cho Viện Nghiên cứu hạt nhân		QĐ 1752/QĐ-BKHHCN ngày 20/6/2019	2019-2020	9.963,0	9.963,0	4.861,0	5.102,0					Viện Nghiên cứu hạt nhân
1.3	Trang bị hệ thống sắc kí khí online và các thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học cho Viện Công nghệ xa hiếm		QĐ 237/QĐ-VNLNT ngày 25/6/2019	2019	4.950,0	4.950,0	4.950,0	-					Viện Công nghệ xa hiếm
1.4	Trang bị hệ thống siêu máy tính nhằm nâng cao năng lực mô phỏng và tính toán cho cán bộ nghiên cứu Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam		QĐ 1753/QĐ-BKHHCN ngày 20/6/2019	2019-2020	11.976,0	11.976,0	5.046,0	6.930,0					Văn phòng Viện NLNTVN
2	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo				2.104,0	2.104,0	-	2.104,0	-	-	-	-	
	Mua sắm tăng cường trang thiết bị, phương tiện làm việc năm 2019 của Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	(i) Mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến theo tiêu chuẩn để trang bị cho các chức danh và phòng làm việc; (ii) Mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của Học viện	Quyết định số 244/QĐ-HVKHCN ngày 14/6/2019	2019	2.104,0	2.104,0	2.104,0	-					Văn phòng Học viện
3	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				105.379,0	56.619,0	-	45.919,0	-	48.760,0	43.760,0	5.000,0	
3.1	Tăng cường trang thiết bị thử nghiệm khí thiên nhiên nén (CNG) và khí thiên nhiên hoá lỏng (LNG) cho phòng thử nghiệm Xăng - Dầu - Khí	Trang thiết bị thử nghiệm khí thiên nhiên nén (CNG) và khí thiên nhiên hoá lỏng (LNG) cho phòng thử nghiệm Xăng - Dầu - Khí	QĐ 1397/QĐ-BKHHCN ngày 29/5/2019	2019-2020	9.064,0	4.532,0	4.532,0		4.532,0	4.532,0			Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1
3.2	Tăng cường năng lực thiết bị thử nghiệm Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng	Thiết bị thử nghiệm Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng	QĐ 1398/QĐ-BKHHCN ngày 29/5/2019	2019-2020	5.720,0	1.716,0	1.716,0		4.004,0	4.004,0			Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1

TT	Nội dung	Kết quả chính	Quyết định phê duyệt nội dung, kinh phí	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ								Chi chú
					Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác				
						Tổng NSNN	Đã giao	Dự kiến phân bổ đợt này (6/2019)	Nhu cầu năm 2020	Tổng nguồn khác	Năm 2019	Dự kiến năm 2020	
3.3	Tăng cường tiềm lực thử nghiệm vật liệu xây dựng và Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị hóa lý - môi trường năm 2019	Thiết bị thử nghiệm vật liệu xây dựng và Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị hóa lý - môi trường năm 2019	QĐ 1428/QĐ-BKHHCN ngày 30/5/2019	2019-2020	6.670,0	2.000,0		2.000,0		4.670,0	4.670,0		Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2
3.4	Tăng cường trang thiết bị đo lường, thử nghiệm Điện - Điện tử năm 2019.	Trang thiết bị đo lường, thử nghiệm Điện - Điện tử năm 2019.	QĐ 1399/QĐ-BKHHCN ngày 29/5/2019	2019-2020	8.080,0	2.424,0		2.424,0		5.656,0	5.656,0		Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2
3.5	Tăng cường thiết bị hiệu chuẩn các phương tiện độ dài.	Thiết bị hiệu chuẩn các phương tiện độ dài.	QĐ 1427/QĐ-BKHHCN ngày 30/5/2019	2019-2020	5.320,0	1.596,0		1.596,0		3.724,0	3.724,0		Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2
3.6	Tăng cường trang thiết bị để từng bước hoàn thiện hệ thống chuẩn đo lường lĩnh vực đo lưu lượng khí.	Trang thiết bị để từng bước hoàn thiện hệ thống chuẩn đo lường lĩnh vực đo lưu lượng khí.	QĐ 1396/QĐ-BKHHCN ngày 29/5/2019	2019-2020	16.068,0	9.641,0		9.641,0		6.427,0	6.427,0		Viện Đo lường Việt Nam
3.7	Tăng cường trang thiết bị để nâng cấp một số hệ thống chuẩn đo lường cho Phòng thí nghiệm trọng điểm về chuẩn đo lường.	Trang thiết bị để nâng cấp một số hệ thống chuẩn đo lường cho Phòng thí nghiệm trọng điểm về chuẩn đo lường.	QĐ 1429/QĐ-BKHHCN ngày 30/5/2019	2019-2020	16.868,0	10.121,0		10.121,0		6.747,0	6.747,0		Viện Đo lường Việt Nam
3.8	Tăng cường trang thiết bị hệ thống chuẩn đo lường lĩnh vực khối lượng	Trang thiết bị để nâng cấp một số hệ thống chuẩn đo lường lĩnh vực khối lượng	QĐ 1808/QĐ-BKHHCN ngày 25/6/2019	2019-2020	37.589,0	24.589,0		13.889,0	10.700,0	13.000,0	8.000,0	5.000,0	Viện Đo lường Việt Nam
E	Dự án sửa chữa chống xuống cấp				26.556,9	26.556,9	-	11.541,0	13.321,0	-	-	-	
E1	Dự án chuyển tiếp				4.997,0	4.997,0	-	2.872,0	-	-	-	-	
1	Viện Năng lượng nguyên tử				4.997,0	4.997,0	-	2.872,0	-	-	-	-	
	Cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp Viện Công nghệ xạ hiếm		QĐ số 273/QĐ-VNLNT ngày 22/6/2018	2018-2019	4.997,0	4.997,0		2.872,0					Viện Công nghệ xạ hiếm
E2	Dự án mở mới				21.559,9	21.559,9	-	8.669,0	13.321,0	-	-	-	
1	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo				12.087,0	12.087,0	-	2.500,0	9.587,0	-	-	-	
	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc của Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tại số 38 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội	Cải tạo, nâng cấp Tòa nhà B, 38 Ngô Quyền đáp ứng nhu cầu về diện tích và cơ sở vật chất kỹ thuật để bố trí chỗ làm việc cho các đơn vị trực thuộc Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và xây dựng mô hình Không gian đổi mới sáng tạo mở (Open Innovation Space) phục vụ kịp thời và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học gắn kết với đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ, thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	QĐ 1844/QĐ-BKHHCN ngày 27/6/2019	2019-2020	12.087,0	12.087,0		2.500,0	9.587,0				Cơ quan Học viện
2	Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ				6.784,0	6.784,0	-	3.500,0	3.734,0	-	-	-	
	Cải tạo, sửa chữa nhà mái tầng 5 Nhà B, Tòa nhà 39 Trần Hưng Đạo thành các phòng làm việc		QĐ PD BCKT-KT số 1603/QĐ-BKHHCN ngày 11/6/2019	2019-2020	6.784,0	6.784,0		3.500,0	3.734,0				
3	Viện Năng lượng nguyên tử				2.688,9	2.688,9	-	2.669,0	-	-	-	-	

TT	Nội dung	Kết quả chính	Quyết định phê duyệt nội dung, kinh phí	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Chi chú	
					Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác				
						Tổng NSNN	Đã giao	Dự kiến phân bổ đợt này (6/2019)	Nhu cầu năm 2020	Tổng nguồn khác	Năm 2019		Dự kiến năm 2020
	Cải tạo, sửa chữa Tòa nhà Trung tâm Đào tạo hạt nhân		QĐ PD BCKT-KT số 215/QĐ-VNLNT ngày 14/6/2019	2019	2.688,9	2.688,9		2.669,0					Trung tâm Đào tạo hạt nhân
G	NHIỆM VỤ CẤP BỘ KHÁC				1.025,0	825,0	-	825,0	-	200,0	200,0	-	-
1	Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ				170,0	170,0		170,0		-	-	-	
1.1	Hội thảo về Chính sách khuyến khích và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và chuyển giao công nghệ tại các doanh nghiệp		QĐ số 1778 ngày 21/6/2019	2019	85,0	85,0		85,0		-	-	-	
1.2	Hội thảo về Chính sách nâng cao năng lực làm chủ công nghệ của doanh nghiệp		QĐ 1809/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2019	2019	85,0	85,0		85,0		-	-	-	
2	Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ				87,0	87,0		87,0		-	-	-	
	Hội thảo về cung cấp Thông tin và dịch vụ sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu, phát triển		QĐ 1810/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2019	2019	87,0	87,0		87,0		-	-	-	
3	Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ				93,0	93,0		93,0		-	-	-	
	Chính sách hỗ trợ liên kết giữa các tổ chức KH&CN với doanh nghiệp trong hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ		QĐ 1811/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2019	2019	93,0	93,0		93,0		-	-	-	Văn phòng Cục
4	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				425,0	225,0	-	225,0	-	200,0	200,0	-	
	Tổ chức Hội nghị thường niên lần thứ 26 của Diễn đàn Đo lường pháp định Châu Á - Thái Bình Dương (APMLF) tại Việt Nam		QĐ 1812/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2019		425,0	225,0		225,0		200,0	200,0	-	Văn phòng Tổng cục
5	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo				250,0	250,0	-	250,0	-	-	-	-	
	Tập huấn công tác thanh tra chuyên ngành		QĐ 1813/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2019		250,0	250,0		250,0		-	-	-	Cơ quan Học viện